TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 726/2018/DS-ST
Ngày: 06/7/2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1642/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Công ty TV.

Địa chỉ: Đường M, Phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thanh N theo văn bản ủy quyền số 44/2017/UQ-QTRR.17 ngày 19/10/2017.

Địa chỉ: Đường K, Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện nguyên đơn ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn : Ông Trương Anh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị đơn ông T vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TV ông Phạm Thanh N trình bày: Ngày 20/8/2015 ông Trương Anh T có ký hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 với Công ty TV để vay số tiền 26.453.700 đồng, lãi suất cho vay 3.75%/ tháng, mục đích vay mua xe 02 bánh, tín chấp, không thế chấp tài sản bảo đảm, phương thức cho vay cho vay trả góp. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.580.000 đồng bao gồm gốc và lãi trả trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.691.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.678.000 đồng và ông T thanh toán vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/9/2015 và thời hạn cuối thanh toán là ngày 20/8/2017. Trong quá trình vay thì ông T đã thanh toán được 5 kỳ với số tiền là 8.455.000 đồng. Kể từ ngày 18/01/2016 ông T không thanh toán tiền cho Công ty, nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải thanh toán tổng cộng số tiền là 26.613.249 đồng bao gồm nợ gốc 22.686.636 đồng và tiền lãi 3.926.613 đồng trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trương Anh T không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TV.

Tại phiên Tòa: Hội đồng xét xử xem xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện nguyên đơn ông N và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả tổng cộng số tiền là 26.613.249 đồng bao gồm nợ gốc 22.686.636 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/01/2016 đến ngày 20/8/2017 là 3.926.613 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty TV khởi kiện bị đơn Trương Anh T phải trả số tiền vay còn thiếu là phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: "*Ông Trương Anh T sinh năm 1983 có hộ khẩu thường trú tại đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh , hiện nay đi đâu không rõ...*" và căn cứ tại khoản 1.1 và khoản 1.2 Điều 1 Mục 5 về địa chỉ giao dịch và trao đổi thông tin của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015 quy định như sau: "*Các bên thống nhất rằng địa chỉ để các bên liên hệ và gởi văn bản giao dịch liên quan vay vốn theo hợp đồng này là địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp đồng; Trường hợp muốn thay đổi địa chỉ giao dịch tại khoản 1.1 điều này thì bên vay phải thông báo VPB FC bằng văn bản*.", thì tại phần đề nghị vay vốn của bên vay thì người vay khai tên Trương Anh T, sinh năm 1983 địa chỉ theo hộ khẩu và hiện tại đang sinh sống đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo thỏa thuận này khi ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Công ty TV là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn ông T được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên Tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[1.6] Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty TV buộc bị đơn ông Trương Anh T trả tổng cộng số tiền là 26.613.249 đồng bao gồm nợ gốc 22.686.636 đồng và tiền lãi 3.926.613 đồng tính từ ngày 18/01/2016 đến ngày 20/8/2017 của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1.1] Về số nợ gốc: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015 ký giữa ông Trương Anh T và Công ty TV thì tại Điều 2 quy định nội dung khoản vay như sau: Số tiền vay 26.453.700 đồng, phương thức cho vay trả góp, lãi suất cho vay là 3.75%/tháng, thời hạn cho vay là 24 tháng, khoản trả hàng tháng 1.691.000 đồng, ngày thanh toán là ngày 20 hàng tháng và tại Điều 8 quy định về nhận nợ như sau: Bên vay xác nhận đã nhận đủ số tiền vay từ VPB FC như nêu tại Điều 2 của hợp đồng này, kể từ ngày ký hợp đồng này và tại khoản 2.1 Điều 2 Mục 5 quy định cam kết của bên vay như sau: Bên vay cam kết thực hiện thanh toán khoản trả hàng tháng cho VPB FC, khoản trả được nêu chi tiết tại lịch trả nợ. Theo lịch trả nợ của ông T và Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015 thì ông T phải thanh toán cho Công ty TV bắt đầu từ ngày 20/9/2015 đến ngày 20/8/2017, mỗi tháng vào ngày 20 ông T phải trả số tiền là 1.691.000 đồng và số tiền 1.687.000 đồng thanh toán cuối cùng ngày 20/8/2017;

[2.1.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.*", và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*" thì ông T phải thanh toán gốc, lãi bắt đầu từ ngày 20/8/2015 và mỗi tháng vào ngày 20 hàng tháng trả số tiền 1.691.000 đồng và ngày thanh toán cuối cùng ngày 20/8/2017 theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015 nhưng do ông T không thanh toán

đúng theo thỏa thuận mà chỉ trả được cho Công ty TV được 5 kỳ với số tiền là 8.455.000 đồng và từ ngày 18/01/2016 không thanh toán nữa là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TV nên Công ty TV khởi kiện yêu cầu buộc ông T trả số nợ gốc số tiền 22.686.636 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015 là đúng với quy định pháp luật như đã viện dẫn nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2.] Về số nợ lãi: Căn cứ tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.*" và căn cứ tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*.", đối chiếu thỏa thuận giữa các bên theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015 thì ông T vay số tiền 26.453.700 đồng với mức lãi suất 3.75%/ tháng và theo lịch trả nợ thì ông T mỗi tháng vào ngày 20 hàng tháng trả số tiền 1.691.000 đồng bao gồm gốc, lãi và ngày thanh toán cuối cùng ngày 20/8/2017 thì thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông T không thanh toán đúng theo thỏa thuận mà chỉ trả lãi được 5 kỳ và sau ngày 18/01/2016 ông T không thực hiện trả lãi nên Công ty TV khởi kiện yêu cầu buộc Tuấn trả lãi số tiền là 3.926.613 đồng từ ngày 18/01/2016 đến ngày 20/8/2017 là phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty TV được chấp nhận số tiền là 1.330.662 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trương Anh T trả cho Công ty TV tổng cộng số tiền 26.613.249 đồng bao gồm nợ gốc 22.686.636 đồng và lãi 3.926.613 đồng của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150818-100018-0001 ngày 20/8/2015. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty TV có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Trương Anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.330.662 đồng ông Trương Anh T phải chịu và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty TV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 665.331 đồng theo biên lai thu số 0019818 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo

Công ty TV và ông Trương Anh T vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn